

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 - 28
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 18.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Mai Khuê Anh	Chủ tịch
Ông Nghiêm Xuân Thụy	Ủy viên
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Hà	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nghiêm Xuân Thụy	Giám đốc	
Ông Hoàng Minh Thọ	Phó Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2012)
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2012

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nghiêm Xuân Thụy

Số : .../2012/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Bùi Thị Ngọc Lan
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.490.468.879	71.535.611.063
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.269.931.309	1.630.277.891
1.	Tiền	111	V.01	2.269.931.309	1.630.277.891
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.188.470.251	21.367.385.384
1.	Phải thu khách hàng	131		8.266.848.570	18.132.141.519
2.	Trả trước cho người bán	132		711.498.761	839.991.361
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	2.251.202.103	2.436.331.687
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(41.079.183)	(41.079.183)
IV.	Hàng tồn kho	140		52.759.318.237	47.980.498.512
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	52.759.318.237	47.980.498.512
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		272.749.082	557.449.276
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.583.365
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.973.106
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	76.009.783	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	196.739.299	551.892.805

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.375.400.160	26.666.048.421
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		160.456.800	1.266.149.451
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	160.456.800	1.266.149.451
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		19.856.948.128	21.245.152.600
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.182.013.752	15.448.848.178
	- Nguyên giá	222		43.165.771.410	46.584.284.007
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.983.757.658)	(31.135.435.829)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	65.881.608	143.313.846
	- Nguyên giá	228		690.600.764	690.600.764
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(624.719.156)	(547.286.918)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	9.609.052.768	5.652.990.576
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	4.000.000.000	4.000.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		3.000.000.000	3.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		1.000.000.000	1.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		357.995.232	154.746.370
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	357.995.232	154.746.370
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.865.869.039	98.201.659.484

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		57.417.521.778	64.531.174.954
I.	Nợ ngắn hạn	310		50.763.530.114	58.014.357.719
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	36.520.319.789	40.311.145.769
2.	Phải trả người bán	312		2.586.496.510	7.119.181.572
3.	Người mua trả tiền trước	313		19.025.000	150.886.500
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	8.044.990.956	7.997.407.292
5.	Phải trả người lao động	315		1.613.198.153	1.622.788.511
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	451.976.647	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	1.519.018.727	745.098.475
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.504.332	67.849.600
II.	Nợ dài hạn	330		6.653.991.664	6.516.817.235
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		270.367.157	131.128.701
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		17.782.142	37.782.142
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	6.129.790.136	6.281.757.651
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		236.052.229	66.148.741
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.448.347.261	33.670.484.530
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	33.448.347.261	33.670.484.530
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(11.800.000)	(11.800.000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		9.302.676.377	8.793.940.358
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.974.953.440	1.853.825.816
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.182.517.444	5.034.518.356
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		90.865.869.039	98.201.659.484

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		89.631.400	89.631.400
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Trần Thị Hoàng Liên****Trần Thị Hoàng Liên****Nghiêm Xuân Thụy**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	94.369.058.235	92.237.087.051
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	12.904.193.111	12.732.180.532
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	81.464.865.124	79.504.906.519
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	65.234.316.703	64.464.771.699
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.230.548.421	15.040.134.820
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.024.336.173	2.744.710.744
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	9.455.779.662	5.189.413.345
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.319.838.941</i>	<i>4.899.970.701</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		3.562.733.773	4.699.156.683
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.914.022.895	4.417.639.827
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		322.348.264	3.478.635.709
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	5.636.072.913	9.039.086
12.	Chi phí khác	32	VI.08	3.101.098.507	41.367.561
13.	Lợi nhuận khác	40		2.534.974.406	(32.328.475)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.857.322.670	3.446.307.234
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	689.554.389	267.702.266
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.167.768.281	3.178.604.968

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Nghiêm Xuân Thụy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		113.409.295.800	111.409.304.332
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(74.252.674.586)	(109.158.017.517)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.612.923.512)	(10.852.008.718)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(8.961.140.073)	(4.949.970.701)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(222.597.529)	(700.288.227)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.370.107.177	4.048.073.569
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.235.777.645)	(12.299.107.163)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.494.289.632	(22.502.014.425)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.087.540.468)	(5.477.805.642)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		5.633.636.362	9.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.520.763.383	1.920.786.296
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.066.859.277	3.451.980.654

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		76.186.905.267	74.985.780.037
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(80.129.698.762)	(57.731.235.210)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.978.701.996)	(1.978.702.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.921.495.491)	15.275.842.827
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		639.653.418	(3.774.190.944)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.630.277.891	5.404.468.835
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.269.931.309	1.630.277.891

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Nghiêm Xuân Thụy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật liệu và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở;
- Kinh doanh lữ đoàn nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát Karaoke);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, đồ uống có cồn, lương thực, thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm, thủ công mỹ nghệ, hàng nhựa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng;
- Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất, nước giải khát có gas;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán, chế biến, ký gửi hàng nông, lâm, thủy sản;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, hải sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản, mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- TSCĐ hữu hình khác	8 - 12 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian sử dụng)	21 năm
- Phần mềm máy vi tính	8 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Năm 2011, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 06 tháng 8 năm 2011 và Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.427.340.734	825.340.210
- Tiền gửi ngân hàng	842.590.575	804.937.681
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	2.269.931.309	1.630.277.891

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	911.414.288	2.407.841.498
- Phải thu khác	1.339.787.815	28.490.189
Cộng	2.251.202.103	2.436.331.687

03. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	13.425.665.170	19.759.497.981
- Công cụ, dụng cụ	459.750.645	458.141.775
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.445.435.970	19.475.176.855
- Thành phẩm	6.726.806.367	7.046.872.175
- Hàng hoá	1.665.684.459	1.240.809.726
- Hàng gửi bán	1.035.975.626	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	52.759.318.237	47.980.498.512

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	39.814.648	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	36.195.135	-
Cộng	76.009.783	-

05. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tam ứng	-	-
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	196.739.299	300.923.905
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	250.968.900
Cộng	196.739.299	551.892.805

06. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	160.456.800	1.266.149.451
Cộng	160.456.800	1.266.149.451

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	14.022.443.234	27.786.080.027	3.000.977.488	775.975.236	998.808.022	46.584.284.007
- Mua trong năm	42.037.000	46.500.000	-	147.872.726	-	236.409.726
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.947.197.739)	(656.847.620)	(15.663.330)	(35.213.634)	-	(3.654.922.323)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.117.282.495	27.175.732.407	2.985.314.158	888.634.328	998.808.022	43.165.771.410
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.003.429.601	19.992.769.647	1.680.767.891	617.369.626	841.099.064	31.135.435.829
- Khấu hao trong năm	929.618.986	1.676.127.793	191.328.514	61.797.780	47.232.740	2.906.105.813
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(423.597.114)	(583.309.906)	(15.663.330)	(35.213.634)	-	(1.057.783.984)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.509.451.473	21.085.587.534	1.856.433.075	643.953.772	888.331.804	32.983.757.658
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	6.019.013.633	7.793.310.380	1.320.209.597	158.605.610	157.708.958	15.448.848.178
2. Tại ngày cuối năm	2.607.831.022	6.090.144.873	1.128.881.083	244.680.556	110.476.218	10.182.013.752

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	255.498.856	-	252.000.000	183.101.908	690.600.764
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	255.498.856	-	252.000.000	183.101.908	690.600.764
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	162.392.086	-	252.000.000	132.894.832	547.286.918
- Khấu hao trong năm	68.893.360	-	-	8.538.878	77.432.238
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	231.285.446	-	252.000.000	141.433.710	624.719.156
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	93.106.770	-	-	50.207.076	143.313.846
2. Tại ngày cuối năm	24.213.410	-	-	41.668.198	65.881.608

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình xưởng sản xuất nhựa	7.568.055.741	3.928.169.549
- Công trình 181 Lạc Long Quân	887.191.727	887.191.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	793.728.937	706.525.664
- Công trình nhà máy bao bì carton	131.103.636	131.103.636
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	228.972.727	-
Cộng	<u>9.609.052.768</u>	<u>5.652.990.576</u>

10. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
a- Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH MTV rượu vang Thăng Long		3.000.000.000		3.000.000.000
Cộng		<u>3.000.000.000</u>		<u>3.000.000.000</u>
b- Đầu tư dài hạn khác				
Đầu tư cổ phiếu		1.000.000.000		1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Cộng		<u>1.000.000.000</u>		<u>1.000.000.000</u>
Tổng cộng		<u>4.000.000.000</u>		<u>4.000.000.000</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	357.995.232	154.746.370
Cộng	<u>357.995.232</u>	<u>154.746.370</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	36.520.319.789	40.311.145.769
+ Vay ngân hàng	29.558.245.095	37.446.145.769
+ Đối tượng khác	6.962.074.694	2.865.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>36.520.319.789</u>	<u>40.311.145.769</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	2.541.647.792	1.550.685.405
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.796.272.176	6.213.840.312
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	689.554.389	222.597.529
- Thuế thu nhập cá nhân	17.516.599	484.403
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	9.799.643
- Các loại thuế khác	-	-
Cộng	8.044.990.956	7.997.407.292

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí chi phí lãi vay phải trả	101.976.647	-
- Trích trước chi phí di dời giải phóng mặt bằng tại Ninh Thuận	350.000.000	-
Cộng	451.976.647	-

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	86.560.061	87.594.500
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	65.212.389	84.429.727
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.367.246.277	573.074.248
Cộng	1.519.018.727	745.098.475

16. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn	6.129.790.136	6.281.757.651
+ Vay ngân hàng	6.129.790.136	6.281.757.651
+ Vay đối tượng khác	-	-
- Nợ dài hạn	-	-
+ Thuê tài chính	-	-
+ Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	6.129.790.136	6.281.757.651

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng TC	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	(11.800.000)	1.168.273	8.135.474.571	1.697.048.248	73.435.757	5.337.574.667	33.232.901.516
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	3.178.604.968	3.178.604.968
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	658.465.787	156.777.568	-	(1.427.562.357)	(612.319.002)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.978.702.000)	(1.978.702.000)
- Giảm khác	-	-	(1.168.273)	-	-	(73.435.757)	(75.396.922)	(150.000.952)
Số dư cuối năm trước	18.000.000.000	(11.800.000)	-	8.793.940.358	1.853.825.816	-	5.034.518.356	33.670.484.530
Số dư đầu năm nay								
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	2.167.768.281	2.167.768.281
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	(6.792.099)	(1.617.166)	-	14.554.497	6.145.232
- Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(1.978.701.996)	(1.978.701.996)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2011 (*)	-	-	-	515.528.118	122.744.790	-	(1.055.621.694)	(417.348.786)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	18.000.000.000	(11.800.000)	-	9.302.676.377	1.974.953.440	-	4.182.517.444	33.448.347.261

(*): Tạm phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	7.200.000.000	7.200.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	10.800.000.000	10.800.000.000
Cộng	<u>18.000.000.000</u>	<u>18.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.978.701.996	1.978.702.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.800.000</i>	<i>1.800.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.180	1.180
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.180</i>	<i>1.180</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.798.820	1.798.820
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.798.820</i>	<i>1.798.820</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	34.722.725.857	22.077.765.605
- Doanh thu bán thành phẩm	56.246.606.018	66.641.319.583
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	699.726.360	3.518.001.863
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.700.000.000	-
Cộng	<u>94.369.058.235</u>	<u>92.237.087.051</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	2.440.769.421	1.319.094.705
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	1.271.123.564	204.032.655
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.192.300.126	11.209.053.172
Cộng	<u>12.904.193.111</u>	<u>12.732.180.532</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	34.722.725.857	22.077.765.605
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	43.342.412.907	53.909.139.051
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	699.726.360	3.518.001.863
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	2.700.000.000	-
Cộng	<u>81.464.865.124</u>	<u>79.504.906.519</u>

04. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.070.958.984	20.901.333.861
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	33.269.888.462	43.312.538.441
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	134.705.280	250.899.397
- Chi phí kinh doanh Bất động sản	758.763.977	-
Cộng	<u>65.234.316.703</u>	<u>64.464.771.699</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.763.383	333.705.349
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	903.572.790	2.407.841.498
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.163.897
Cộng	<u>1.024.336.173</u>	<u>2.744.710.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***06. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	9.319.838.941	4.899.970.701
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.940.721	289.442.644
Cộng	<u>9.455.779.662</u>	<u>5.189.413.345</u>

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chuyển nhượng quyền thuê đất tại Ninh Thuận	450.000.000	-
- Chuyển nhượng nhà xưởng tại Ninh Thuận	5.181.818.182	-
- Thu nhập khác	4.254.731	9.039.086
Cộng	<u>5.636.072.913</u>	<u>9.039.086</u>

08. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí di dời máy móc thiết bị tại Ninh Thuận	350.000.000	-
- Giá trị còn lại của nhà xưởng chuyển nhượng tại Ninh Thuận	2.523.600.625	-
- Chi phí khác	227.497.882	41.367.561
Cộng	<u>3.101.098.507</u>	<u>41.367.561</u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	689.554.389	267.702.266
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>689.554.389</u>	<u>267.702.266</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.312.875.040	55.172.978.229
- Chi phí nhân công	10.735.149.762	9.735.755.522
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.983.538.051	3.998.635.234
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.084.128.442	1.142.084.973
- Chi phí khác	6.174.616.399	1.206.006.274
Cộng	<u>51.290.307.694</u>	<u>71.255.460.232</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với bên liên quan***Bên liên quan khác với Công ty là:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long	Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long là Công ty con.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với bên liên quan gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long		
- Bán hàng	43.274.593.436	55.081.560.837
- Cho thuê văn phòng và kho bãi	3.060.000.000	3.060.000.000
- Thu lợi nhuận sau thuế	903.572.790	2.407.841.498

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long		
Phải thu khách hàng	5.854.113.489	14.973.407.633
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	911.414.288	2.407.841.498

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến.
- Lĩnh vực dịch vụ: Dịch vụ cho thuê xe ô tô.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.342.412.907	34.722.725.857	699.726.360	2.700.000.000	81.464.865.124
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	44.388.212.340	35.524.547.122	203.919.579	1.025.837.819	81.142.516.860
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(1.045.799.433)	(801.821.265)	495.806.781	1.674.162.181	322.348.264
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	431.947.494	219.536.865	4.382.742	16.911.473	672.778.574
Số dư cuối năm					
Tài sản bộ phận	80.597.270.833	4.802.165.882	655.157.528	3.452.757.775	89.507.352.018
Tài sản không phân bổ					1.358.517.021
Tổng tài sản	80.597.270.833	4.802.165.882	655.157.528	3.452.757.775	90.865.869.039
Nợ phải trả bộ phận	42.924.449.912	14.134.567.534	-	-	57.059.017.446
Nợ phải trả không phân bổ					358.504.332
Tổng nợ phải trả	42.924.449.912	14.134.567.534	-	-	57.417.521.778

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***03. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.269.931.309	1.630.277.891	2.269.931.309	1.630.277.891
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	8.266.848.570	18.132.141.519	8.225.769.387	18.091.062.336
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.216.922.434	2.436.331.687	1.216.922.434	2.436.331.687
Cộng	11.753.702.313	22.198.751.097	11.712.623.130	22.157.671.914
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.856.863.667	7.250.310.273	2.856.863.667	7.250.310.273
Vay và nợ	42.650.109.925	46.592.903.420	42.650.109.925	46.592.903.420
Chi phí phải trả	451.976.647	-	451.976.647	-
Các khoản phải trả khác	1.536.800.869	782.880.617	1.536.800.869	782.880.617
Cộng	47.495.751.108	54.626.094.310	47.495.751.108	54.626.094.310

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Trần Thị Hoàng Liên****Trần Thị Hoàng Liên****Nghiêm Xuân Thụy**